



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal



**CÔNG TY TNHH XỔ SỐ
KIẾN THIẾT BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xổ số kiến thiết Bình Định) theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 29/05/2007 của UBND Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 02/01/2008 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 11 lần và lần gần nhất vào ngày 10/10/2019), Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 74.500.000.000 đồng

Công ty có 14 đơn vị trực thuộc bao gồm 7 văn phòng đại diện và 7 chi nhánh, như sau:

- Văn phòng đại diện Công ty TNHH XSKT Bình Định tại tỉnh Khánh Hoà;
- Văn phòng đại diện Công ty TNHH XSKT Bình Định tại tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng đại diện Công ty TNHH XSKT Bình Định tại tỉnh Phú Yên;
- Văn phòng đại diện Công ty TNHH XSKT Bình Định tại thành phố Đà Nẵng;
- Văn phòng đại diện Công ty TNHH XSKT Bình Định tại tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng đại diện Công ty TNHH XSKT Bình Định tại tỉnh Ninh Thuận;
- Văn phòng đại diện Công ty TNHH XSKT Bình Định tại tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi nhánh XSKT Tuy Phước;
- Chi nhánh XSKT Tây Sơn;
- Chi nhánh XSKT An Nhơn;
- Chi nhánh XSKT Phù Cát;
- Chi nhánh XSKT Phù Mỹ;
- Chi nhánh XSKT Hoài Nhơn;
- Chi nhánh XSKT Bắc Hoài Nhơn.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 304 Phan Bội Châu, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (0256) 3822.809
- Fax: (0256) 3821.661

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh Xổ số kiến thiết;
- Dịch vụ giải trí vui chơi có thưởng.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Nhân sự**

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 75 người. Trong đó người quản lý Công ty là 5 người.

Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

- | | | |
|-------------------------|------------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Xuân Hạnh | Chủ tịch kiêm Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05/09/2018 |
| • Bà Đặng Thu Hương | Kiểm soát viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2018 |
| • Bà Đinh Thị Lan Hương | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/11/2017 |
| • Ông Võ Quang Hải | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04/03/2019 |
| • Bà Lê Thị Thanh Thủy | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 15/07/2020 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

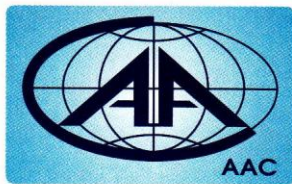
Giám đốc



Nguyễn Xuân Hạnh

Bình Định, ngày 05 tháng 02 năm 2021





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 050/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 05/02/2021 của Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 02 năm 2021

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3108-2020-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - XS

Ban hành theo TT số 168/2009/TT - BTC

ngày 19/08/2009 và các sửa đổi, bổ sung

có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		175.764.253.473	150.945.282.729
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		86.655.784.163	72.747.780.022
1. Tiền	111	5	10.655.784.163	4.686.530.022
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	76.000.000.000	68.061.250.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		67.062.000.000	55.056.916.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	67.062.000.000	55.056.916.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.356.777.241	19.864.431.067
1. Phải thu khách hàng	131	8	16.860.450.986	17.452.071.738
2. Các khoản phải thu khác	135	9.a	2.496.326.255	2.412.359.329
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.689.692.069	3.276.155.640
1. Hàng tồn kho	141		2.689.692.069	3.276.155.640
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.577.700.208	4.117.767.300
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		42.116.348	40.043.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	9.b	42.116.348	40.043.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.398.481.299	3.901.267.909
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.917.787.872	2.258.690.954
- Nguyên giá	222		10.711.385.906	10.917.844.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.793.598.034)	(8.659.154.043)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.480.693.427	1.642.576.955
- Nguyên giá	228		2.010.805.962	2.010.805.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(530.112.535)	(368.229.007)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		137.102.561	176.456.391
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	137.102.561	176.456.391
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		179.341.953.681	155.063.050.029

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		104.841.953.681	80.563.050.029
I. Nợ ngắn hạn	310		104.841.953.681	80.563.050.029
1. Người mua trả tiền trước	313		220.362.100	195.740.300
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	43.365.372.732	24.003.221.419
3. Phải trả người lao động	315		9.666.114.439	8.104.019.103
4. Chi phí phải trả	316	15	38.076.000	90.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	347.667.454	319.302.552
6. Dự phòng rủi ro trả thường	321		43.630.211.300	41.771.094.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.574.149.656	6.079.672.655
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.500.000.000	74.500.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	74.500.000.000	74.500.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	74.500.000.000	74.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		179.341.953.681	155.063.050.029

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công cụ dụng cụ bền lâu đang sử dụng	1.892.396.868	1.807.324.140
Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp	19.029.698.055	18.930.139.405
Doanh số phát hành xổ số kiến thiết	256.235.000	22.577.605.000

Giám đốc
Nguyễn Xuân Hạnh

Bình Định, ngày 05 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu	01	18	345.151.708.164	363.939.124.652
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10	18	345.151.708.164	363.939.124.652
4. Chi phí kinh doanh	11	19	296.234.284.874	312.215.549.097
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	20		48.917.423.290	51.723.575.555
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	6.299.435.721	5.762.043.099
7. Chi phí tài chính	22		5.698.630	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.698.630	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	32.005.517.670	33.510.119.602
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.205.642.711	23.975.499.052
11. Thu nhập khác	31	22	21.502.854.666	13.040.199
12. Chi phí khác	32		1	-
13. Lợi nhuận khác	40		21.502.854.665	13.040.199
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.708.497.376	23.988.539.251
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	8.964.015.505	4.832.415.422
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		35.744.481.871	19.156.123.829



Giám đốc

Nguyễn Xuân Hạnh

Bình Định, ngày 05 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		338.964.180.768	355.633.480.936
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(172.808.156.050)	(207.312.347.980)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.022.606.270)	(18.977.393.506)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5.698.630)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	14	(4.756.422.768)	(4.344.483.237)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.781.896.215	11.948.071.045
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(116.190.134.039)	(127.004.695.838)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.963.059.226	9.942.631.420
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	11	-	(140.600.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(109.062.000.000)	(87.056.916.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	7	97.056.916.000	53.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9, 20	6.153.611.061	4.538.495.192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.851.472.939)	(29.659.020.808)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		11.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	14, 17	(17.203.582.146)	(12.238.348.067)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.203.582.146)	(12.238.348.067)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		13.908.004.141	(31.954.737.455)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	72.747.780.022	104.702.517.477
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	86.655.784.163	72.747.780.022



Nguyễn Xuân Hạnh

Bình Định, ngày 05 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xổ số Kiến thiết Bình Định) theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 29/05/2007 của UBND Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 02/01/2008 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 11 lần và lần gần nhất vào ngày 10/10/2019), Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh Xổ số kiến thiết;
- Dịch vụ giải trí vui chơi có thưởng.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đặc thù đối với Công ty Xổ số kiến thiết ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009, có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Các tài sản cố định vô hình khác

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	3

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Trích quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng

Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được dùng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng và sử

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ.

4.10 Quỹ lương

Quỹ lương được xác định theo hướng dẫn tại thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thực hiện của Công ty Xổ số kiến thiết, sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính Phủ và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ, cụ thể:

- Trích 30% vào Quỹ đầu tư phát triển (nếu đủ vốn điều lệ thì không trích thêm);
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo quy định;
- Phần lợi nhuận còn lại được nộp về ngân sách nhà nước.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với mặt hàng vé số.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Áp dụng mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt là 15%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác (ngoại trừ các khoản tạm ứng, phải thu Bảo hiểm xã hội và phải thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên).

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	126.980.500	124.332.000
Tiền gửi ngân hàng	10.528.803.663	4.562.198.022
Cộng	10.655.784.163	4.686.530.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	76.000.000.000	68.061.250.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT - CN Quy Nhơn	6.000.000.000	11.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bình Định	70.000.000.000	57.061.250.000
Cộng	76.000.000.000	68.061.250.000

7. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	67.062.000.000	67.062.000.000	55.056.916.000	55.056.916.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bình Định	25.062.000.000	25.062.000.000	25.056.916.000	25.056.916.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển - CN Bình Định	42.000.000.000	42.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	67.062.000.000	67.062.000.000	55.056.916.000	55.056.916.000

Tại ngày 31/12/2020, khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và thời gian còn lại không quá 12 tháng). Công ty đánh giá khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về mặt giá trị.

8. Phải thu khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu các đại lý vé số	16.860.450.986	17.452.071.738
Cộng	16.860.450.986	17.452.071.738

9. Các khoản phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tạm ứng	141.840.114	241.422.232
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	31.707.184	26.751.395
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	86.020.052	82.251.457
Lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn	2.207.758.905	2.061.934.245
Phải thu khác	29.000.000	-
Cộng	2.496.326.255	2.412.359.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ký cược, ký quỹ	42.116.348	40.043.000
Cộng	42.116.348	40.043.000

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Vé xổ số	1.567.297.490	-	1.582.914.866	-
- Vé xổ số truyền thống	351.620.000	-	520.858.050	-
- Vé xổ số bốc	1.148.775.840	-	1.025.934.320	-
- Vé xổ số lô tô	66.901.650	-	36.122.496	-
Nguyên liệu, vật liệu	110.900.000	-	371.210.000	-
Công cụ, dụng cụ	139.607.408	-	109.400.039	-
Chi phí SXKD dở dang	871.887.171	-	1.106.758.785	-
Hàng gửi đi bán	-	-	105.871.950	-
Cộng	2.689.692.069	-	3.276.155.640	-

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	4.677.243.911	144.250.485	4.008.765.179	1.039.934.694	1.047.650.728	10.917.844.997
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	206.459.091	-	206.459.091
Số cuối năm	4.677.243.911	144.250.485	4.008.765.179	833.475.603	1.047.650.728	10.711.385.906
Khấu hao						
Số đầu năm	2.767.083.051	144.250.485	3.956.544.876	905.509.312	885.766.319	8.659.154.043
Tăng trong năm	183.152.149	-	52.220.303	71.410.634	34.119.996	340.903.082
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	206.459.091	-	206.459.091
Số cuối năm	2.950.235.200	144.250.485	4.008.765.179	770.460.855	919.886.315	8.793.598.034
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.910.160.860	-	52.220.303	134.425.382	161.884.409	2.258.690.954
Số cuối năm	1.727.008.711	-	-	63.014.748	127.764.413	1.917.787.872

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 6.029.515.558 đồng.
- Không có tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Q.sử dụng đất (không kỳ hạn) VND	Q.sử dụng đất (có kỳ hạn) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	420.960.000	768.664.024	821.181.938	2.010.805.962
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	420.960.000	768.664.024	821.181.938	2.010.805.962
Khấu hao				
Số đầu năm	-	121.769.330	246.459.677	368.229.007
Tăng trong năm	-	17.034.828	144.848.700	161.883.528
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	138.804.158	391.308.377	530.112.535
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	420.960.000	646.894.694	574.722.261	1.642.576.955
Số cuối năm	420.960.000	629.859.866	429.873.561	1.480.693.427

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 96.938.438 đồng.
- Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2020.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	137.102.561	176.456.391
Cộng	137.102.561	176.456.391

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	2.993.262.066	38.681.895.200	37.890.012.287	3.785.144.979
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.985.285.975	51.735.428.453	50.736.481.825	4.984.232.603
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.585.972.321	8.964.015.505	4.756.422.768	5.793.565.058
Thuế thu nhập cá nhân	963.088.734	11.308.907.013	11.886.624.590	385.371.157
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	12.594.533	12.594.533	-
Lệ phí môn bài	-	17.000.000	17.000.000	-
Lợi nhuận nộp về chủ sở hữu	14.475.612.323	31.145.028.758	17.203.582.146	28.417.058.935
Cộng	24.003.221.419	141.864.869.462	122.502.718.149	43.365.372.732

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trích trước chi phí năm 2020	38.076.000	90.000.000
Cộng	38.076.000	90.000.000

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Hoa hồng đại lý vé số lô tô	2.195.900	2.133.424
Phí ủy quyền trả thưởng đại lý	53.666.719	52.369.613
Nhận ký quỹ của đại lý	110.588.416	147.417.112
Phải trả khác	181.216.419	117.382.403
Cộng	347.667.454	319.302.552

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2019	74.500.000.000	-	74.500.000.000
Tăng trong năm	-	19.156.123.829	19.156.123.829
Giảm trong năm	-	19.156.123.829	19.156.123.829
Số dư tại 31/12/2019	74.500.000.000	-	74.500.000.000
Số dư tại 01/01/2020	74.500.000.000	-	74.500.000.000
Tăng trong năm	-	35.744.481.871	35.744.481.871
Giảm trong năm	-	35.744.481.871	35.744.481.871
Số dư tại 31/12/2020	74.500.000.000	-	74.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	35.744.481.871	19.156.123.829
Phân phối lợi nhuận	35.744.481.871	19.156.123.829
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm trước	167.196.595	-
- Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	(2.475.708)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(47.297.520)	-
- Nộp ngân sách Nhà nước (*)	216.969.823	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	35.577.285.276	19.156.123.829
- Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	256.969.871	232.816.194
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.392.256.470	4.447.695.312
- Nộp ngân sách Nhà nước	30.928.058.935	14.475.612.323
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-

(*) Lợi nhuận còn lại phải nộp Ngân sách nhà nước năm 2019, Công ty đã thực hiện kê khai trên “Tờ khai Quyết toán Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các Quỹ phải nộp Ngân sách Nhà nước năm 2019 – Mẫu: 01/QT-LNCL” và đã nộp kịp thời theo quy định.

18. Doanh thu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán vé xổ số	344.902.856.355	363.539.182.303
- Doanh thu Vé xổ số truyền thống	295.287.431.667	308.894.997.126
- Doanh thu Vé xổ số bốc	43.602.607.335	48.255.731.451
- Doanh thu vé xổ số lô tô	6.012.817.353	6.388.453.726
Doanh thu khác	248.851.809	399.942.349
Cộng	345.151.708.164	363.939.124.652

19. Chi phí kinh doanh

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí kinh doanh vé xổ số	296.234.284.874	312.215.549.097
- Chi phí trả thưởng	198.311.541.500	233.001.608.000
- Chi phí trực tiếp phát hành	97.922.743.374	79.213.941.097
Cộng	296.234.284.874	312.215.549.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	6.299.435.721	5.762.043.099
Cộng	6.299.435.721	5.762.043.099

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí Công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	931.696.582	1.682.719.449
Chi phí nhân công	22.353.585.561	22.721.675.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	502.786.610	616.465.416
Thuế, phí và lệ phí	165.588.910	157.058.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.203.295.699	2.384.960.585
Chi phí bằng tiền khác	5.848.564.308	5.947.240.869
Cộng	32.005.517.670	33.510.119.602

22. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hoàn nhập Quỹ dự phòng trả thưởng	21.498.884.100	-
Thu nhập khác	3.970.566	13.040.199
Cộng	21.502.854.666	13.040.199

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.708.497.376	23.988.539.251
- Trong đó: Lợi nhuận năm 2019	208.995.744	-
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	111.580.147	173.537.861
- Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	111.580.147	173.537.861
Tổng thu nhập chịu thuế	44.820.077.523	24.162.077.112
- Trong đó: Thu nhập chịu thuế năm 2019	208.995.744	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.964.015.505	4.832.415.422
- Trong đó: Chi phí thuế TNDN năm 2019 (*)	41.799.149	-

(*) Thuế TNDN hiện hành năm 2019 trên, Công ty đã thực hiện kê khai trên “Tờ khai Quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2019 – Mẫu: 03/TNDN” và đã nộp kịp thời theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	97.922.743.374	79.213.941.097
Chi phí Công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	931.696.582	1.682.719.449
Chi phí nhân công	22.353.585.561	22.721.675.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	502.786.610	616.465.416
Thuế, phí và lệ phí	165.588.910	157.058.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.203.295.699	2.384.960.585
Chi phí trả thường	198.311.541.500	233.001.608.000
Chi phí bằng tiền khác	5.848.564.308	5.947.240.869
Cộng	328.239.802.544	345.725.668.699

25. Công cụ tài chính**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa và dịch vụ từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của các yếu tố đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty theo dõi chặt chẽ thông tin về giá cả thị trường, đối với các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn Công ty thận trọng tham khảo giá, chất lượng ... cụ thể các nguồn cung cấp để thực hiện.

Liên quan đến phòng chống dịch

Tháng 4/2020 thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg, Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19; Công văn số 3685/BTC-TCNH ngày 30/3/2020 của Bộ Tài chính, Công văn số 2045/UBND-TH ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh về việc tạm dừng hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết, công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định đã tạm dừng phát hành các loại vé Xổ số kiến thiết từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 23/4/2020. Trong Quý III năm 2020, ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 bùng phát đợt 2, một số địa bàn trong khu vực miền Trung đã tạm ngưng phát hành vé xổ số kiến thiết, cụ thể: Quảng Nam - Đà Nẵng từ 29/7 đến 4/9, Thành phố Buôn Ma Thuột từ 03/8 đến 16/8. Ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 nêu trên đã làm cho doanh thu bán vé trong năm giảm so với năm trước.

Liên quan đến các vấn đề khác

Hoạt động số đề, vé số cạo sửa giả vé trúng thưởng để nhận thưởng ngày càng phức tạp và tinh vi; Thời tiết mưa bão, lũ lụt nặng nề và kéo dài làm ảnh hưởng đến đời sống, thu nhập của người dân khu vực Miền Trung - Tây Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Việc ấn định doanh số phát hành của Bộ Tài chính (2 triệu vé/ kỳ) tiếp tục duy trì cũng là một nguyên nhân kìm hãm sự tăng trưởng của loại hình vé xổ số truyền thống.

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng qua kênh phân phối là hệ thống đại lý. Với đặc thù như vậy, Công ty đã xây dựng quy chế tài chính áp dụng đối với hệ thống đại lý (quy định chặt chẽ về thời gian thanh toán, tài sản đảm bảo) và đã tạo dựng được mối quan hệ hợp tác trong nhiều năm, tình hình thanh toán kịp thời, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
31/12/2020			
Chi phí phải trả	38.076.000	-	38.076.000
Phải trả khác	347.667.454	-	347.667.454
Cộng	385.743.454	-	385.743.454
01/01/2020			
Chi phí phải trả	90.000.000	-	90.000.000
Phải trả khác	319.302.552	-	319.302.552
Cộng	409.302.552	-	409.302.552

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.655.784.163	-	86.655.784.163
Phải thu khách hàng	16.860.450.986	-	16.860.450.986
Đầu tư tài chính	67.062.000.000	-	67.062.000.000
Phải thu khác	2.207.758.905	42.116.348	2.249.875.253
Cộng	172.785.994.054	42.116.348	172.828.110.402
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.747.780.022	-	72.747.780.022
Phải thu khách hàng	17.452.071.738	-	17.452.071.738
Đầu tư tài chính	55.056.916.000	-	55.056.916.000
Phải thu khác	2.061.934.245	40.043.000	2.101.977.245
Cộng	147.318.702.005	40.043.000	147.358.745.005

26. Báo cáo bộ phận

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh duy nhất là kinh doanh xổ số và khu vực địa lý chính là Miền Trung – Tây Nguyên, Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận là phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

27. Quỹ lương của thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Quỹ lương của thành viên quản lý (Không gồm Kiểm soát viên)	1.608.114.412	1.399.699.678

28. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc

Nguyễn Xuân Hạnh

Bình Định, ngày 05 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Quang

N.H.H.H
/M/



Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 4, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-28) 3910 2235
Fax: +(84-28) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.vnn.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà Việt Á
Số 09 Duy Tân, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +(84-24) 3224 2403
Fax: +(84-24) 3224 2402
Email: aac.hn@aac.com.vn

Thành viên

